

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/10/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+RP3	7:25	10+12	0+0		8+14	0+0	
2		P10+PPD	7:25	11:25+17	0+0		0+22	0+0	THEM P10 BO PVD2
3		P4+P1	9:25	11:15+7	0+0		14+8	0+0	
4		TD1+P4+PPD	9:25	4+4+13	0+0+0		0+10+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
đi về trong ngày P4-4 ng/

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2020	TO: P4 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - N.Anh - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

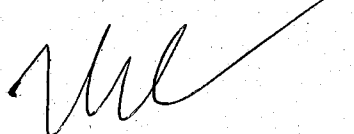
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU QUOC NHAT	P4	14	1	2		70	D-HANH	Vietnamese
2	SUDAKOV A.A	P4	13	1	9		112	KHI	Russian
3	ZAGYDAEV V.E	P4	15	1	4		79	KHI	Russian
4	NGUYEN VAN NAM	P4					62	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TRUNG	P4	16	1	4		66	KHI	Vietnamese
6	TRAN VAN PHUC	P4	17	1	6		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN MINH	P4					82	KHI	Vietnamese
8	PHAN NGOC QUYET	P4					74	NIPI	Vietnamese
9	ĐANG THE ANH	P4	11	1	4		65	NIPI	Vietnamese
10	VÔ VĂN DŨNG	P4	12	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	PHAM QUOC DUY	P4	19	1	3		62	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN HONG PHUC	P4	18	1	4		74	KHI	Vietnamese
13	REVIKIN V.N	RP3	09	1	8	80	96	KHI	Russian
14	LAM TIEN PHI	RP3	10	1	3		80	KHI	Vietnamese
15	HA VAN THUY	RP3	08	1	5		74	KHI	Vietnamese
16	PHAM VAN KY	RP3	05-06	2	5		67	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CU	RP3	11	1	4		60	KHI	Vietnamese
18	PHAM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	07	1	6		80	KHI	Vietnamese
19	TRẦN QUYẾT TIẾN	RP3	12	1	5	91	68	PV GAS	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC THẮNG	RP3	13-14	2	8		74	PV GAS	Vietnamese
21	HOANG VAN HAI	RP3	20	1	8		61	KHI	Vietnamese
22	NGO NGOC HAN	RP3	21	1	3		52	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

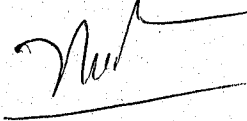
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	9	41	881	0	8		
2	RP3	10	12	55	712	171	14		
TOTAL		22	21	96	1.593	171	22		
WEIGHT KG				96	1.593	171			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P10 - PPD	CREW: HUNG - NPhú - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

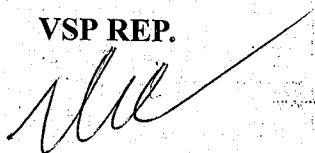
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HANH	P10	86-87	2	15		53	CO DIEN	Vietnamese
2	NGUYEN DINH KHA	P10	85	1	12		72	CO DIEN	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC KHOA	P10	83-84	2	15		93	CO DIEN	Vietnamese
4	LE HUY BAC	P10	81-82	2	15		70	CO DIEN	Vietnamese
5	VU TRONG NGHIA	P10	79-80	2	12		70	CO DIEN	Vietnamese
6	TRAN ĐỨC QUANG	PPD	24	1	10		74	KHI	Vietnamese
7	OKOVANSEV G.P	PPD	27	1	12		115	KHI	Russian
8	DƯƠNG CHI TUYẾN	PPD	32-33	2	15		69	KHI	Vietnamese
9	TRAN SON TOAN	PPD	30	1	7		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NAM	PPD	25	1	5		78	KHI	Vietnamese
11	VÔ VĂN QUYỀN	PPD	31	1	5		72	KHI	Vietnamese
12	NGO SY THANH	PPD	39	1	3	30	88	KHI	Vietnamese
13	LE ĐỨC THẮNG	PPD	26	1	5		78	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN ĐỨC LÂM	PPD	29	1	9		75	KHI	Vietnamese
15	TRINH VAN CUONG	PPD	37	1	6		70	KHI	Vietnamese
16	LUONG MANH DUONG	PPD	34	1	9		63	KHI	Vietnamese
17	LE THANH TRUNG	PPD	35	1	8		64	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN ANH TU	PPD	38	1	9		74	KHI	Vietnamese
19	ĐO VĂN TUẤN	PPD	28	1	5		71	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN THE HUNG	PPD					75	KHI	Vietnamese
21	GALIAMOV	PPD	36	1	7		76	KH-THAC	Russian
22	NGUYEN VAN PHUONG	PPD	17	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	5	9	69	358	0	0		
2	PPD	17	17	118	1.288	30	22		
TOTAL		22	26	187	1.646	30	22		
WEIGHT KG				187	1.646	30			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2020	TO: P4 - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Nam - N.Anh - Luy	ETA: 11:10
XANH-2			

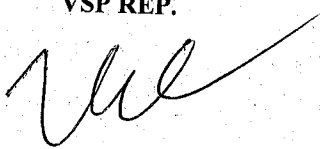
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU DINH THAI	P4	94	1	3	45	54	PSV	Vietnamese
2	DOAN VAN AI	P4	97	1	2		65	PSV	Vietnamese
3	LE DAC NHA	P4	95	1	2		61	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THINH	P4	98	1	8		76	KHI	Vietnamese
5	DUONG DINH HIEN	P4	23	1	9		68	KHI	Vietnamese
6	HOANG DUC LAM ANH	P4	99	1	7		78	KHI	Vietnamese
7	LE VAN HOAN	P4	25	1	2		67	KHI	Vietnamese
8	LE VAN MANH	P4					59	KHI	Vietnamese
9	VU NGOC TUAN	P4	24	1	5		84	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG NAM	P4	22	1	10		65	KHI	Vietnamese
11	LE QUANG VINH	P4	96	1	8		70	KHI	Vietnamese
12	HOANG VAN TRUNG	P4	20-21	2	9		66	TTYT	Vietnamese
13	DO HOA VINH	P4					84	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN SANG	P4	26	1	5		64	PSV	Vietnamese
15	THAI MINH HAI	P1	97-98	2	20	30	80	T-TIN	Vietnamese
16	TRAN TRUNG KIEN	P1	48	1	3		69	PSV	Vietnamese
17	BUI VAN QUAN (72)	P1	99	1	2		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN THONG	P1	900	1	4		64	PSV	Vietnamese
19	LY CAO THANG	P1	68	1	9		71	PSV	Vietnamese
20	LE TUNG LAM	P1	599	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	TRAN VAN THUAT	P1	47	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

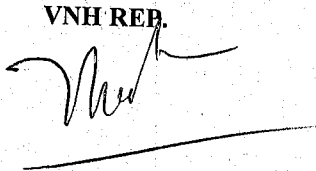
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	13	70	961	45	14		
2	P1	7	8	48	475	30	7		
TOTAL		21	21	118	1.436	75	21		
WEIGHT KG				118	1.436	75			

GRAND TOAL: 1.629 KGS

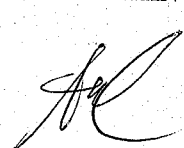
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT:	TO: PPD - TD1 - P4	CREW: HUNG - NPhú - THỤ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG HAI HA	PPD	48	1	6		70	KHI	Vietnamese
2	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	49	1	5		71	KHI	Vietnamese
3	TRAN QUOC HUNG	PPD	44	1	3		55	KHI	Vietnamese
4	TRINH QUOC THANH	PPD	54-55	2	10		98	KHI	Vietnamese
5	DOAN MANH TOAN	PPD					85	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN MINH HOANG	PPD	43	1	5		68	KHI	Vietnamese
7	LE TRUNG LAN	PPD	50	1	2		82	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	56	1	5		73	KHI	Vietnamese
9	HA DUC KHANH	PPD	42	1	9		67	XAYLAP	Vietnamese
10	DO HONG VAN	PPD	45-46	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CANH	PPD	47	1	7		49	OMSC	Vietnamese
12	TRAN THANH TAM	PPD	51	1	8		53	OMSC	Vietnamese
13	LE VAN TAY	PPD	52-53	2	12		66	OMSC	Vietnamese
14	DO XUAN LINH	TD1	78-79	2	8		85	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN HOAI NAM	TD1	76-77	2	16		70	CODIEN	Vietnamese
16	PHAM VAN DUNG	TD1	75	1	12		53	CODIEN	Vietnamese
17	VUONG DINH TRONG	TD1	80-81	2	11		72	CODIEN	Vietnamese
18	TRAN VAN NAM	P4	02	1	3		76	PSV	Vietnamese
19	DOAN VAN TUYEN	P4	03	1	3		78	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN HONG	P4	01	1	2		52	PSV	Vietnamese
21	DANG VAN THUAN	P4	04	1	6		87	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	15	87	903	0	12		
2	TD1	4	7	47	280	0	0		
3	P4	4	4	14	293	0	10		
TOTAL		21	26	148	1.476	0	22		
WEIGHT KG				148	1.476	0			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN